

Cẩm Phả, ngày 09 tháng 01 năm 2019

Số: **245**/QĐ-VTNC

QUY ĐỊNH

Bổ sung tiền lương và tạm ứng lương cho CBCN trong Công ty

Căn cứ kế hoạch số 2229/QĐ-TKV ngày 24/12/2018 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 cho Công ty Than Thống Nhất – TKV;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2018 của Công ty Than Thống Nhất - TKV.

Để khuyến khích CBCN tích cực đi làm đạt ngày công lao động, đảm bảo an toàn và tiết kiệm chi phí trong sản xuất. Giám đốc Công ty Than Thống Nhất – TKV quy định Bổ sung tiền lương cho CBCN trong Công ty như sau:

I. Bổ sung tiền lương năm 2018, quý I năm 2019, tháng 02 năm 2019, tạm ứng lương tháng 01/2019.

1. Đối tượng xét bổ sung lương.

- CBCN có mặt và đang làm việc tại Công ty tính đến thời điểm nộp các danh sách.
- CBCN đang nghỉ việc riêng đóng BHXH.
- CBCN đang tạm hoãn hợp đồng lao động.
- CBCN nghỉ hưu trong năm 2018 (chỉ xét bổ sung tiền lương năm 2018).
- CBCN chết trong năm 2018 (chỉ xét bổ sung tiền lương năm 2018).
- Học sinh đang thực tập nghề tại Công ty tính đến thời điểm nộp các danh sách.

2. Đối tượng không xét bổ sung lương.


- CBCN chuyển công tác khỏi Công ty.
- CBCN Trung tâm Cấp cứu mỏ đang làm việc tại Công ty.
- CBCN bị sa thải, CBCN chấm dứt HĐLĐ.
- CBCN đang làm thủ tục chấm dứt HĐLĐ, đơn phương chấm dứt HĐLĐ, hủy bỏ thời gian thử việc...

3. Nguồn tiền lương bổ sung.

- Bổ sung tiền lương năm 2018: Trích từ nguồn quỹ tiền lương năm 2018.
- Bổ sung tiền lương quý I năm 2019: Tạm ứng từ nguồn quỹ lương năm 2019.
- Tạm ứng lương tháng 01/2019: Tạm ứng từ nguồn quỹ lương năm 2019.
- Bổ sung tiền lương tháng 02/2019: Nguồn quỹ lương năm 2019.

4. Tiêu chí xét và mức tiền.

a. Bổ sung tiền lương năm 2018:

- Xét ngày công đi làm thực tế năm 2018.
- Mức bổ sung: 

T T	Ngành nghề	Xếp loại			
		Loại A 6 000 000 đ	Loại B 4 000 000 đ	Loại C 2 000 000 đ	Loại D 1 000 000 đ
1	CN Khai thác, đào lò	≥ 250 công	< 250 công	< 120 công	< 60 công
2	CN khác làm việc trong lò	≥ 274 công	< 274 công	< 138 công	< 70 công
3	CBCN còn lại	≥ 288 công	< 288 công	< 144 công	< 80 công
4	CBCN văn phòng	≥ 250 công	< 250 công	< 120 công	< 60 công
5	Học sinh thực tập nghề	≥ 250 công	< 250 công	< 120 công	< 60 công

+ Đối với CN khai thác và đào lò đang làm việc tại các phân xưởng khai thác và đào lò mỗi mức phân loại được cộng thêm 1 000 000 đ (Lưu ý: Chỉ tính cho công nhân làm công việc khai thác, đào lò tại Công ty có danh sách từ 30/6/2018 trở về trước).

b. Bổ sung tiền lương quý I năm 2019.

- Xét ngày công đi làm thực tế năm 2018.
- Mức bổ sung:

T T	Ngành nghề	Xếp loại			
		Loại A 8 000 000 đ	Loại B 5 000 000 đ	Loại C 3 000 000 đ	Loại D 2 000 000 đ
1	CN Khai thác và đào lò	≥ 250 công	< 250 công	< 120 công	< 60 công
2	CN khác làm việc trong lò	≥ 274 công	< 274 công	< 138 công	< 70 công
3	CBCN còn lại	≥ 288 công	< 288 công	< 144 công	< 80 công
4	CBCN văn phòng	≥ 250 công	< 250 công	< 120 công	< 60 công

c. Tạm ứng lương tháng 01/2019

- Căn cứ vào ngày công, tiền lương đi làm trong tháng một, CBCN được tạm ứng tối đa 60% lương.

- Các đơn vị nộp danh sách mục a, b, c về phòng TCLĐ ngày 21/01/2019.

d. Bổ sung tiền lương tháng 02/2019.

- Xét ngày công đi làm thực tế từ 01/01/2019 đến 31/01/2019.
- Mức bổ sung:

T T	Ngành nghề	Xếp loại		
		Loại A 500 000 đ	Loại B 300 000 đ	Loại C 100 000 đ
1	CN Khai thác và đào lò	≥ 22 công	< 22 công	< 10 công
2	CN khác làm việc trong lò	≥ 23 công	< 23 công	< 11 công
3	CBCN còn lại	≥ 25 công	< 25 công	< 12 công
4	CBCN văn phòng	≥ 22 công	< 22 công	< 12 công
5	Học sinh thực tập nghề	≥ 22 công	< 22 công	< 10 công

- Các đơn vị nộp danh sách về phòng TCLĐ ngày 14/02/2019.

e. Một số quy định cụ thể khác:

- Các ngày công chế độ được tính như công đi làm: công phép; công nghỉ chế độ thai sản (của NLĐ nữ, nam); công điều dưỡng; công chờ nghỉ chế độ hưu trí; công theo